TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 245/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 12 – 2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hằng

Ông Trần Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Khu vực BH, phường VT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Tăng Hồng K, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Khu vực BH, phường VT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1980. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

Bà Lâm Thị Cẩm V, sinh năm: 1953. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1976. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1960. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu vực BH, phường VT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Vạn Tín Long – Chi Nhánh Long Mỹ,

Trụ sở: Khu vực BTB, phường BT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện: Ông Nguyễn Bé N – Chức vụ Giám đốc

Địa chỉ: Khu vực BTB, phường BT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Vào năm 2011 ông D và bà Tăng Hồng K tổ chức lễ cưới, đến ngày 26/6/2012 thì vợ chồng ông bà mới đi kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LB, huyện Long Mỹ (nay là thị xã Long Mỹ), tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do vợ chồng ông bà cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do bà K không tôn trọng ông, thường xuyên xảy ra cự cải với mẹ chồng khiến mẹ ông phải chuyển đi nơi khác sống. Ông đã khuyên can nhiều lần nhưng bà K không sửa đổi, bà K còn nhiều lần đập phá đồ đạc, đánh ông D và ông cũng có trình báo với địa phương để giải quyết nhiều lần. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông D yêu cầu được ly hôn với bà Tăng Hồng K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn T (nam), sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Tấn Th (nam), sinh ngày: 07/9/2013. Hiện các cháu đang sống chung với ông D, sau khi ly hôn ông D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có, nhưng vợ chồng đã tự thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn bà Tăng Hồng K trình bày: Bà K thống nhất lời trình bày của ông D về ngày tháng năm đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông D không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, không có trách nhiệm với gia đình; bà K cũng thừa nhận trong lúc nóng tính bà có đập phá đồ đạc trong nhà và dùng lời lẽ xúc phạm đến ông D. Nay ông D yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, xin ông D cho bà cơ hội để khắc phục.

Về con chung: Có 02 con chung như ông D trình bày là đúng, hiện các cháu đang sống chung với ông D. Nay nếu ông D cương quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý để ông D tiếp tục nuôi các con.

Về tài sản chung: Có, nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống có nợ bà Lâm Thị Cẩm V 10.000.000 đồng, nợ Nguyễn Hoàng Q 10.000.000 đồng, nợ Phạm Thị N 3.000.000 đồng, nợ bà Nguyễn Thị T 30.000.000 đồng, nợ công ty TNHH Vạn Tín Long chi nhánh Long Mỹ 3.000.000 đồng. Nay phần nợ chung tôi yêu cầu ông D có trách nhiệm trả phân nửa phần nợ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Vạn Tín Long có đại diện ông Nguyễn Bé N có cung cấp giấy xác nhận nội dung: Vào ngày 18/4/2020 bà Tăng Hồng K có thỏa thuận hợp đồng cầm cố xe với Công ty và còn nợ số tiền 3.000.0000 đồng. Nay bà K và ông D ly hôn thì công ty chưa yêu cầu giải quyết số nợ trên trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T cung cấp bản tự khai trình bày: Bà Thu có cho bà Tăng Hồng K mượn số tiền 30.000.000 đồng, việc bà K mượn số tiền trên để sử dụng riêng hay sử dụng chung trong gia đình thì bà Thu không rõ. Nay vợ chồng bà K ly hôn thì bà Thu chưa yêu cầu giải quyết số nợ trên trong vụ kiện này.

Tại bản tự khai ngày 24/9/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Văn N trình bày: Ông N có cho bà K mượn số tiền 3.000.000 đồng, việc bà K mượn số tiền trên để sử dụng riêng hay sử dụng chung trong gia đình thì ông N không rõ. Nay vợ chồng bà K ly hôn thì ông N chưa yêu cầu giải quyết số nợ trên trong vụ kiện này.

Tại bản tự khai ngày 24/9/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Thị Cẩm V trình bày: Bà V có cho bà K mượn tiền 03 lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng, việc bà K mượn số tiền trên để sử dụng riêng hay sử dụng chung trong gia đình thì bà V không rõ. Nay vợ chồng bà K ly hôn thì bà V chưa yêu cầu giải quyết số nợ trên trong vụ kiện này.

Tại bản tự khai ngày 24/9/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Q trình bày: ông Q có cho bà K mượn số tiền 10.000.000 đồng, việc bà K mượn số tiền trên để sử dụng riêng hay sử dụng chung trong gia đình thì ông Q không rõ. Nay vợ chồng bà K ly hôn thì ông Q chưa yêu cầu giải quyết số nợ trên trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên toà sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71, Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn còn chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Tăng Hồng K. Về con chung ông D được tiếp tục nuôi dưỡng, ông D không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về tài sản chung có nhưng ông D và bà K đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung dành quyền khởi kiện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Q, Lâm Thị Cẩm V, Phạm Văn N, Nguyễn Thị T, Công ty TNHH Vạn Tín Long chi nhánh thị xã Long Mỹ đối với ông D và bà K khi có yêu cầu; Về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Tăng Hồng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Q, Lâm Thị Cẩm V, Phạm Văn N, Nguyễn Thị T, Công ty TNHH Vạn Tín Long chi nhánh thị xã Long Mỹ có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012 ông Nguyễn Văn D và bà Tăng Hồng K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình, huyện Long Mỹ (nay là thị xã Long Mỹ), tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông D cho rằng bà K không tôn trọng ông D cũng như mẹ chồng, nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm tới gia đình ông; Bà K thì cho rằng ông D không chăm lo gia đình nên trong lúc tức giận mới đập phá đồ đạc và dùng lời lẽ xúc phạm đến ông D. Xét thấy, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 15/10/2020 của Tòa án tại địa phương được biết thì vợ chồng ông D và bà K thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến xô xát gây mất trật tự tại địa phương. Đại diện địa phương mời lên làm việc thì bà K cam kết sửa đổi nhưng chưa thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà K từ đó chứng minh rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Tăng Hồng K.

[3.2] Về con chung: Ông D và bà K có 02 con chung tên Nguyễn Tấn T (nam), sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Tấn Th (nam), sinh ngày: 07/9/2013 hiện đang sống chung với ông D. Nay ông D yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Tại bản tự khai cháu Tiến, cháu Thủ cũng yêu cầu được tiếp tục sống chung với ông D; Theo biên bản xác minh của Tòa án thì ông D có đủ điều kiện để chăm lo cho con, vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất cho ông D được tiếp tục nuôi con chung. Ông D không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi

con nên không xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và dạy dỗ con chung cho bà K không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Có, ông D và bà K tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ông D cho rằng vợ chồng ông bà không có nợ chung; Bà K cho rằng trong thời gian sống chung bà có mượn tiền để kinh doanh nhưng do thua lỗ nên chưa có tiền để trả, vì vậy bà yêu cầu ông D có trách nhiệm trả phân nửa số nợ trên. Trong quá trình Tòa án giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Q, Lâm Thị Cẩm V, Phạm Văn N, Nguyễn Thị T, Công ty TNHH Vạn Tín Long chi nhánh thị xã Long Mỹ chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ trên, vì vậy Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Q, Lâm Thị Cẩm V, Phạm Văn N, Nguyễn Thị T, Công ty TNHH Vạn Tín Long chi nhánh thị xã Long Mỹ đối với ông D và bà K khi có yêu cầu.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Tăng Hồng K.

Về con chung: Ông D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Tấn T (nam), sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Tấn Th (nam), sinh ngày: 07/9/2013. Ông D không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà K không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Có, ông D và bà K tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Q, Lâm Thị Cẩm V, Phạm Văn N, Nguyễn Thị T, Công ty TNHH Vạn Tín Long chi nhánh thị xã Long Mỹ đối với ông D và bà K khi có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0000530 phiếu lập ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/12/2020). Riêng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký

Đào Thị Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Lưu.